

Bản án số: **19/2021/HN-ST**.

Ngày: 14/02/2022.

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Phước Tường**.

2. Ông **Trần Trung Nhân**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Quốc Hiền** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 478/2021/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:158/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Ngô Tuấn K**, sinh năm 1986(có đơn xin vắng mặt).

ĐKKHKT: Ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Chị **Hồ Thiên M**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I. Phần trình bày của nguyên đơn anh Ngô Tuấn K:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/6/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Ngô Tuấn K trình bày:

Anh với chị Hồ Thiên M cưới nhau năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện D, tỉnh Đồng Tháp, anh chị chung sống đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, nên anh chị đã ly thân từ đó đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung tên Ngô Tuấn K, sinh ngày 25/3/2008 và Ngô Yên N, sinh ngày 15/7/2013. Từ khi ly hôn đến nay chị M là người trực tiếp nuôi con chung và chăm sóc tốt. Khi ly hôn anh đồng ý để hai con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/1con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

II. Phần trình bày của bị đơn chị Hồ Thiên M:

Bị đơn chị Hồ Thiên M dù được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu xin ly hôn của anh K và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; Kết quả phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng chị M vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến gì về việc vắng mặt của chị, cũng như yêu cầu khởi kiện của anh K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh K có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc hôn nhân của anh với chị Hồ Thiên M. Chị M có địa chỉ tại ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Chị Hồ Thiên M dù được Tòa án thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu xin ly hôn của anh K và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; Kết quả phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và được triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng chị M vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của chị. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị M. Đối với anh Ngô Tuấn K có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh. Nhận thấy đơn xin vắng mặt của anh K nộp cho Tòa án là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị M cưới nhau năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện D, tỉnh Đồng Tháp. Anh chị chung sống đến năm 2013 thì ly thân cho đến nay. Theo anh K khai là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, xung đột nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện chị M đã có chồng khác. Nên anh chị ly thân từ đó đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay anh K xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị M nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M.

Xét thấy anh K với chị M cưới nhau năm 2007 có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống đến năm 2013 thì ly thân, từ đó đến nay anh chị cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ

chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án anh K cương quyết ly hôn, còn chị M vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của chị cũng như yêu cầu khởi kiện của anh K, dù được Tòa án thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu xin ly hôn của anh K và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; Kết quả phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và được triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, xem như chị M đã từ bỏ quyền bảo vệ lợi ích hợp pháp của chị trong vụ án này. Nhận thấy anh chị đã ly thân trong một thời gian dài khoảng 8 năm nay nhưng anh chị không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, cho thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K cho chị được ly hôn với chị M là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung tên Ngô Tuấn K, sinh ngày 25/3/2008 và Ngô Yến N, sinh ngày 15/7/2013, từ khi ly thân đến nay theo anh K khai là do chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh có ý kiến là để chị M tiếp tục nuôi hai con chung chưa thành niên. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/1 con chung. Còn chị M không có ý kiến gì về nuôi con chung chưa thành niên. Nhận thấy từ khi ly thân đến nay chị M là người trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên đã ổn định và phát triển bình thường. Mặc khác theo xác nhận ngày 24/11/2021 của trưởng ấp A, xã B thì anh K với chị M có hai con chung, hiện do chị M trực tiếp nuôi dưỡng như lời khai anh K là đúng. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh K là giao con chưa thành niên tên Ngô Tuấn K và Ngô Yến N cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/ 1 con chung là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh K khai không có, chị M không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung. Do đó Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về yêu cầu chia tài sản chung thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh K là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 107 và 110 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Ngô Tuấn K.

- Cho anh Ngô Tuấn K được ly hôn với chị Hồ Thiên M.

2. Về con chung: Giao con hai chung chưa thành niên của anh chị tên Ngô Tuấn K, sinh ngày 25/3/2008 và Ngô Yến N, sinh ngày 15/7/2013 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/1con chung.

Thời gian cấp dưỡng là từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung anh chị trưởng thành lao động được.

- Kể từ ngày chị M có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh K chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Anh K được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Anh K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000967, ngày 24/11/2021 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Anh K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (án phí cấp dưỡng nuôi con).

4. Về quyền kháng cáo: Chị M, anh K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

PHẠM THANH DŨNG

Cái Bè, ngày 14 tháng 02 năm 2022

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 14 tháng 02 năm 2022.

Tại phòng nghị án trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Dũng.

Các hội thẩm nhân dân:

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý 478/2021/TLST-HNGĐ ngày 42 tháng 11 năm 2021 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh **Ngô Tuấn K**, sinh năm 1986. (có đơn xin vắng mặt).

ĐKKHKT: Ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn*: Chị **Hồ Thiên M**, sinh năm 1985.(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 107 và 110 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Ngô Tuấn K .

- Cho anh Ngô Tuấn K được ly hôn với chị Hồ Thiên M.

2. Về con chung: Giao con hai chung chưa thành niên của anh chị tên Ngô Tuấn K, sinh ngày 25/3/2008 và Ngô Yến N, sinh ngày 15/7/2013 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/1 con chung.

Thời gian cấp dưỡng là từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung anh chị trưởng thành lao động được.

- Kể từ ngày chị M có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh K chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Anh K được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn theo qui định pháp luật.

3. Về án phí: Anh K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000967, ngày 24/11/2021 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Chị M, anh K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ -
TÒA

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN